

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN Á CƯỜNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

---

Hà Nội, tháng 02 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tiến	Ủy viên
Bà Phạm Thị Nhân Hòa	Ủy viên

#### **Giám đốc**

Bà Phạm Thị Thúy Hạnh	Giám đốc
-----------------------	----------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

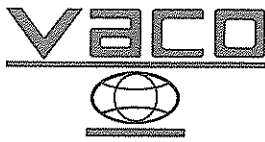
Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Giám đốc,



Bắc Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang

quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787

W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 052 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/02/2015, từ trang 03 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Vũ Kim Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2336-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Văn phòng Hồ Chí Minh  
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15  
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

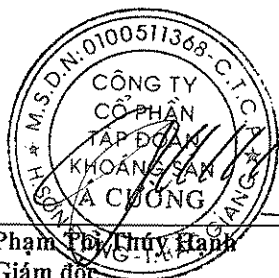
Văn phòng Hải Phòng  
499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng  
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu B 01-DN	
			31/12/2014	Đơn vị tính: VND 01/01/2014
	100		128.734.857.135	198.617.356.749
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	5	3.225.987.873	2.647.476.498
1. Tiền	111		3.225.987.873	2.647.476.498
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		80.428.088.287	124.195.988.966
1. Phải thu khách hàng	131	6	73.621.343.130	105.679.243.457
2. Trả trước cho người bán	132	7	9.147.424.845	18.159.984.030
3. Các khoản phải thu khác	135		-	356.761.479
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.340.679.688)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	140	8	20.027.151.969	55.163.331.565
1. Hàng tồn kho	141		20.027.151.969	55.163.331.565
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		25.053.629.006	16.610.559.720
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.845.360.081	3.863.281.082
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8.268.925	47.278.638
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	23.200.000.000	12.700.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)</b>	200		95.787.306.346	80.628.866.161
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		80.747.495.075	80.578.573.097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.072.430.877	28.539.393.565
- Nguyên giá	222		75.260.333.358	31.353.772.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.187.902.481)	(2.814.378.484)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	14.675.064.198	52.039.179.532
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		15.000.000.000	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	15.000.000.000	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	260		39.811.271	50.293.064
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		39.811.271	50.293.064
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	270		<b>224.522.163.481</b>	<b>279.246.222.910</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 01-DN	
			Đơn vị tính: VND	
			31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>97.400.698.117</b>	<b>163.916.015.317</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.878.529.718</b>	<b>142.953.031.977</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	52.098.152.063	60.729.344.200
2. Phải trả người bán	312	14	2.586.706.685	46.311.848.343
3. Người mua trả tiền trước	313	15	1.180.000.780	11.662.983.026
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7.013.670.190	4.388.305.586
5. Phải trả người lao động	315		-	238.500.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	19.622.050.822
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>34.522.168.399</b>	<b>20.962.983.340</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	34.522.168.399	20.962.983.340
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>127.121.465.364</b>	<b>115.330.207.593</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>127.121.465.364</b>	<b>115.330.207.593</b>
1. Vốn điều lệ	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	93.062.607
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.121.465.364	(4.762.855.014)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>224.522.163.481</b>	<b>279.246.222.910</b>



Phạm Thị Chuyền Hạnh  
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2015

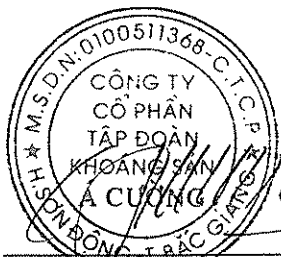
  
Vũ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

  
Đinh Thị Ngọc San  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND  
Năm 2014 Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	19	86.118.427.480	106.955.853.512
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	19	86.118.427.480	106.955.853.512
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	60.570.353.615	95.713.966.989
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.548.073.865	11.241.886.523
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		925.969	8.282.399
6. Chi phí tài chính	22	22	9.145.163.035	7.913.638.007
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.145.163.035	7.913.638.007
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	4.373.004.510	2.315.509.565
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-(24+25))	30		12.030.832.289	1.021.021.350
9. Thu nhập khác	31		69.316.229	376.818.182
10. Chi phí khác	32		20.403.182	1.314.515.838
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		48.913.047	(937.697.656)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.079.745.336	83.323.694
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		12.079.745.336	83.323.694
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.006,6	6,9



Phạm Thị Thủy Hạnh  
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Vũ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Ngọc San  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 03-DN  
Đơn vị tính: VND  
Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	90.748.886.321	98.183.094.816
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(49.824.306.141)	(86.478.966.098)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.215.757.693)	(3.913.600.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.411.898.018)	(7.862.276.427)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.661.408)	(35.996.443)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	23.522.673.908	40.811.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(43.675.456.985)	(21.503.352.749)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>13.136.479.984</i>	<i>19.199.903.099</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.508.000.000)	(37.070.588.908)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	925.969	8.282.399
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(17.507.074.031)</i>	<i>(37.062.306.509)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	40.341.419.443	118.389.344.200
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(35.392.314.021)	(101.804.700.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>4.949.105.422</i>	<i>16.584.644.200</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>578.511.375</i>	<i>(1.277.759.210)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.647.476.498	3.925.235.708
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.225.987.873	2.647.476.498



Phạm Thị Thủy Hạnh  
Giám đốc

Vũ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Ngọc San  
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2015



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường được chuyển đổi từ Công ty TNHH Tam Cường theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100511368 ngày 16/09/2011 và thay đổi lần thứ 23 ngày 26/01/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 26/01/2015 là 560.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 110 người (tại 31/12/2013 là 107 người).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường - Mỏ than Đồng Tân
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Á Cường tại Bắc Giang

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- ✓ Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- ✓ Buôn bán kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô;
- ✓ Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- ✓ Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- ✓ Sản xuất than cốc; Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại; Chuẩn bị mặt bằng;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da;
- ✓ Phá dỡ; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- ✓ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; In ấn;
- ✓ Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Xây nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- ✓ Hoạt động khoan thử và đào thử; Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò;
- ✓ Đại lý, môi giới; dịch vụ cầm đồ;
- ✓ Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, tuyến cố định, chở khách du lịch;
- ✓ Kinh doanh bất động sản; xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tam Cường. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 228. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 20121000046 ngày 06/11/2007 Công ty đầu tư xây dựng nhà máy tuyển quặng và luyện đồng công suất 1.000 tấn/năm, thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư, theo đó, Công ty tự xác định được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm 2014, Công ty xác định được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.159.187.500	2.579.537.555
Tiền gửi ngân hàng	66.800.373	67.938.943
	<u>3.225.987.873</u>	<u>2.647.476.498</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cảnh Phong - TNHH	31.634.165.000	5.298.542.700
Công ty TNHH Lê Giang	11.128.000.000	33.145.174.000
Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quân	10.175.055.000	-
Tập Đoàn Khoáng sản Tam Cường	5.788.049.931	20.666.588.640
Công ty TNHH Kim Loại màu Vũ Gia	4.125.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thịnh Vượng	3.824.814.840	2.907.366.000
Công ty TNHH MTV than Hà Bắc	2.759.080.500	-
Công ty CP kinh doanh than Hoàng Ngân	2.227.500.000	5.002.800.000
Cty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Tuấn Triệu	1.207.674.359	1.450.224.359
Công ty CP Than Khoáng sản Thanh Bình	-	8.797.045.510
Công ty TNHH SX Cơ Khí Và Xây Dựng Minh Quân	-	7.204.074.020
Công ty TNHH Đông Bắc 268	-	1.784.097.500
Công ty TNHH Công Nghệ Hoàng Anh	-	1.649.917.500
Công ty TNHH giải pháp CN và TM Gamma	-	1.259.449.418
Cty TNHH TM& DV Tổng hợp Trung Ninh	-	1.279.751.360
Các đối tượng khác	752.003.500	15.234.212.450
	<b>73.621.343.130</b>	<b>105.679.243.457</b>

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Linh Bảo Hoà Bình	4.340.679.688	6.208.129.688
Công ty TNHH thương mại Tuấn Hằng	2.350.972.000	3.809.000.000
Công ty CP Tài Nguyên Đông Dương IRC	-	2.580.830.000
Công ty TNHH SX Cơ Khí Và Xây Dựng Minh Quân	-	2.229.767.500
Tổng Công ty Khoáng Sản- Vinacomin	-	1.172.496.160
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ TM Supe Lâm Thao	-	1.008.852.215
Đối tượng khác	2.455.773.157	1.150.908.467
	<b>9.147.424.845</b>	<b>18.159.984.030</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.996.312.911	31.568.820.966
Công cụ, dụng cụ	-	244.111.277
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.911.288.998	18.471.853.156
Thành phẩm	6.515.279.900	1.092.720.095
Hàng hoá	604.270.160	3.785.826.071
<b>Cộng</b>	<b>20.027.151.969</b>	<b>55.163.331.565</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho</b>	<b>20.027.151.969</b>	<b>55.163.331.565</b>

## 9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	23.200.000.000	12.700.000.000
	<b>23.200.000.000</b>	<b>12.700.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	27.270.900.123	4.023.065.926	59.806.000	31.353.772.049
Mua sắm mới	-	211.890.909	-	211.890.909
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.927.175.000	33.767.495.400	-	43.694.670.400
Tại ngày 31/12/2014	<u>37.198.075.123</u>	<u>38.002.452.235</u>	<u>59.806.000</u>	<u>75.260.333.358</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	2.039.918.321	724.621.834	49.838.329	2.814.378.484
Khấu hao trong năm	5.703.931.578	659.624.748	9.967.671	6.373.523.997
Tại ngày 31/12/2014	<u>7.743.849.899</u>	<u>1.384.246.582</u>	<u>59.806.000</u>	<u>9.187.902.481</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2014	<u>25.230.981.802</u>	<u>3.298.444.092</u>	<u>9.967.671</u>	<u>28.539.393.565</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>29.454.225.224</u>	<u>36.618.205.653</u>	<u>-</u>	<u>66.072.430.877</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 9.903.618.000 đồng và 2.179.975.804 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (năm 2013 lần lượt là 9.903.618.000 đồng và 2.692.911.292 đồng).

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2014	Năm 2013
	-	-
Tại ngày 01 tháng 01	52.039.179.532	12.539.453.053
Tăng trong năm	6.595.680.666	40.183.909.497
Kết chuyển sang Tài sản cố định	(43.694.670.400)	(684.183.018)
Kết chuyển khác	(265.125.600)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>14.675.064.198</u>	<u>52.039.179.532</u>

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1001/HĐCN.CP ngày 10/01/2014 ký giữa Ông Nguyễn Xuân Thanh (bên chuyển nhượng, đồng thời là Chủ tịch của Công ty) và Công ty (bên nhận chuyển nhượng), hai bên thống nhất chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 1.500.000 cổ phần, giá trị tương ứng 15.000.000.000 đồng, giá chuyển nhượng 10.000 đồng/ cổ phần. Sau khi chuyển nhượng thì Công ty là cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường.

## 13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (i)	42.071.466.084	54.669.344.200
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	3.026.685.979	3.680.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.000.000.000	2.380.000.000
	<u>52.098.152.063</u>	<u>60.729.344.200</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Ghi chú: (i) Gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/HĐ ngày 12/01/2013 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), hạn mức tiền vay 55 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng lần giải ngân, lãi suất tiền vay theo từng lần giải ngân, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là toàn bộ hệ thống dây truyền máy móc theo phương pháp thủy luyện, hòa luyện, thê chấp quyền khai thác tài nguyên, bất động sản.

- Hợp đồng tín dụng số 18.12.0101246455TD ngày 30/06/2012, hạn mức tiền vay 10 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là bất động sản A14 tầng 25 chung cư 93 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Đây là bất động sản Công ty được cho mượn.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Tứ Đình	-	16.939.427.342
Tập Đoàn Khoáng sản Tam Cường	586.218.855	11.000.818.855
Công ty xăng dầu Bắc Sơn (Hà Bắc)	-	3.730.990.010
Công ty TNHH ĐTPT Và TM Bắc Quốc	-	2.542.455.660
Công ty TNHH Quỳnh Mai	929.847.145	2.175.244.845
Công ty CP TM Và DT XD An Khánh	-	1.174.540.840
Công ty TNNHH Tam Lục	-	1.054.010.200
Các đối tượng khác	1.070.640.685	7.694.360.591
	<b>2.586.706.685</b>	<b>46.311.848.343</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Comigro An Bình	-	2.998.350.000
Công ty TNHH Công Nghệ Hoàng Anh	-	2.813.986.626
Công ty CP Tài Nguyên Đông Dương IRC	-	2.580.830.000
Công ty TNHH MTV than Hà Bắc	-	1.943.066.400
Công ty TNHH Hồng Liêm	-	1.326.750.000
Công ty TNHH SX Cơ Khí Và Xây Dựng Minh Quân	1.180.000.780	-
	<b>1.180.000.780</b>	<b>11.662.983.026</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế	6.499.576.666	4.069.563.862
Thuế giá trị gia tăng	6.137.427.706	3.524.286.586
Thuế xuất, nhập khẩu	-	339.645.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.908.752	80.470.118
Thuế tài nguyên	240.240.208	125.161.558
Các khoản phải trả khác	514.093.524	318.741.724
Các khoản phí và lệ phí	514.093.524	318.741.724
	<b>7.013.670.190</b>	<b>4.388.305.586</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	34.522.168.399	20.962.983.340
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (i)	34.183.918.399	20.605.483.340
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Xuân (ii)	338.250.000	357.500.000
	<u>34.522.168.399</u>	<u>20.962.983.340</u>

**Ghi chú:**

(i) Gồm 2 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/2635737/HĐTĐTH ngày 24/11/2009 giữa Công ty và Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ, số tiền vay là 30 tỷ đồng, mục đích vay để thực hiện đầu tư "Dự án đầu tư nhà máy tuyển và luyện đồng công suất 1.550 tấn/ năm giai đoạn 2 - Hòa luyện - phần thiết bị của Công ty TNHH Tam Cường, thời hạn vay 06 năm kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, lãi suất tiền vay thả nổi theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ, thời gian trả nợ 66 tháng, khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị được đầu tư bằng vốn tự có, vốn vay và vốn khác vào giai đoạn 2 - Hòa luyện của Công ty TNHH Tam Cường, thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 698429 ngày cấp 18/06/2008 của Công ty TNHH Tam Cường tại thôn Gốc Gạo, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2013/HĐ ngày 25/03/2013 giữa Công ty và Ngân hàng BIDV - CN Tây Hồ, tổng số tiền vay là 3,7 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án "Mua 05 xe ô tô tải VOLVO phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty", thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất tiền vay theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay.

(ii) Hợp đồng tín dụng trung hạn số 34.12.010.1246455.TD ngày 21/12/2012 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội, hạn mức tín dụng là 495.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán 1 phần tiền mua xe Nissan Navara LE theo HĐ mua bán HD-HDKT2012/0223 ngày 19/11/2012 giữa Cty CP TĐ Khoáng sản Á Cường và Cty TNHH Ô tô Việt Phát, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi có điều chỉnh 3 tháng/ lần, trong mọi trường hợp lãi suất tối thiểu của khoản vay là 16,8%/ năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô Nissan Navara LE với giá trị 708.600.000 đồng.

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	120.000.000.000	93.062.607	(4.846.178.708)	115.246.883.899
Lợi nhuận trong năm	-	-	83.323.694	83.323.694
Số dư tại ngày 01/01/2014	<u>120.000.000.000</u>	<u>93.062.607</u>	<u>(4.762.855.014)</u>	<u>115.330.207.593</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.079.745.336	12.079.745.336
Tăng khác	-	-	114.175.107	114.175.107
Giảm khác	-	(93.062.607)	(55.274.078)	(148.336.685)
Nộp tiền thuế trừ vào lợi nhuận	-	-	(254.325.987)	(254.325.987)
Số dư tại ngày 31/12/2014	<u>120.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>7.121.465.364</u>	<u>127.121.465.364</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp			
			31/12/2014		01/01/2014	
	VND	%	VND	%	VND	%
Phạm Thị Thủy Hạnh	554.400.000.000	99,00%	118.800.000.000	99,00%	118.800.000.000	99,00%
Phạm Văn Tiến	2.800.000.000	0,50%	600.000.000	0,50%	600.000.000	0,50%
Phạm Thị Nhân Hòa	2.800.000.000	0,50%	600.000.000	0,50%	600.000.000	0,50%
<b>Tổng cộng</b>	<b>560.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty

	Năm 2014	Năm 2013
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	12.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phiếu	12.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	đồng/ cổ phiếu	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	cổ phiếu	12.000.000

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.118.427.480	106.955.853.512
	<b>86.118.427.480</b>	<b>106.955.853.512</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>86.118.427.480</b>	<b>106.955.853.512</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.570.353.615	95.713.966.989
	<b>60.570.353.615</b>	<b>95.713.966.989</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.533.671.676	9.171.177.312
Chi phí nhân công	4.455.826.925	2.759.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.330.897.570	981.561.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.064.376.617	68.088.647.517
Chi phí khác	39.920.646	1.502.066.003
Cộng	<b>55.424.693.434</b>	<b>82.502.452.716</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.145.163.035	7.913.638.007
	<b>9.145.163.035</b>	<b>7.913.638.007</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.242.265.383	330.000.000
Chi phí vật liệu quản lý	2.050.273	4.136.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.210.200	691.580.466
Thuế, phí và lệ phí	27.784.721	51.771.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.195.324	9.955.175
Chi phí bằng tiền khác	3.095.498.609	1.228.065.340
	<b>4.373.004.510</b>	<b>2.315.509.565</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.079.745.336	83.323.694
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(5.236.087.979)	(83.323.694)
Lỗi năm trước chuyển sang	(5.236.087.979)	(83.323.694)
Thu nhập chịu thuế	6.843.657.357	-
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.505.604.619	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	(1.505.604.619)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty tự xác định được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2014. Tuy nhiên, việc xác định số thuế phải nộp cuối cùng tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	12.079.745.336	83.323.694
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (2)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1)/(2)	<b>1.006,6</b>	<b>6,9</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

## Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	86.620.320.462	81.692.327.540
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.225.987.873	2.647.476.498
Nợ thuần	83.394.332.589	79.044.851.042
Vốn chủ sở hữu	127.121.465.364	115.330.207.593
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,7	0,7

## Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

## Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.225.987.873	-	2.647.476.498	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.621.343.130	(2.340.679.688)	106.036.004.936	-
Đầu tư dài hạn	15.000.000.000	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.847.331.003</b>	<b>(2.340.679.688)</b>	<b>108.683.481.434</b>	<b>-</b>
			<b>Giá trị sổ kế toán</b>	
			<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			86.620.320.462	81.692.327.540
Phải trả người bán, phải trả khác			2.586.706.685	65.933.899.165
<b>Tổng cộng</b>			<b>89.207.027.147</b>	<b>147.626.226.705</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.225.987.873	-	3.225.987.873
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.621.343.130	-	73.621.343.130
Đầu tư dài hạn	15.000.000.000	-	15.000.000.000
	<b>91.847.331.003</b>	<b>-</b>	<b>76.847.331.003</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Các khoản vay	52.098.152.063	34.522.168.399	86.620.320.462
Phải trả người bán, phải trả khác	-	-	-
	<b>52.098.152.063</b>	<b>34.522.168.399</b>	<b>86.620.320.462</b>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<b>39.749.178.940</b>	<b>(34.522.168.399)</b>	<b>(9.772.989.459)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.647.476.498	-	2.647.476.498
Phải thu khách hàng, phải thu khác	106.036.004.936	-	106.036.004.936
	<u>108.683.481.434</u>	<u>-</u>	<u>108.683.481.434</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Vay và nợ	60.729.344.200	20.962.983.340	81.692.327.540
Phải trả người bán, phải trả khác	19.622.050.822	-	19.622.050.822
Chi phí phải trả	-	-	-
	<u>80.351.395.022</u>	<u>20.962.983.340</u>	<u>101.314.378.362</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>28.332.086.412</u>	<u>(20.962.983.340)</u>	<u>7.369.103.072</u>

Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Bán chất bên liên quan	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	- Ông Phạm Văn Tiến - Ủy viên HĐQT Công ty là Chủ tịch Tam Cường - Công ty là cổ đông góp vốn vào Tam Cường	10.319.091.391	17.937.906.640
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	- Ông Phạm Văn Tiến - Ủy viên HĐQT Công ty là Chủ tịch Tam Cường - Công ty là cổ đông góp vốn vào Tam Cường	10.405.598.391	19.521.283.655
	<b>Bán chất bên liên quan</b>		<b>Năm 2014</b>
			VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn - mua cổ phần</b>			
- Công ty mua lại cổ phần từ Ông Nguyễn Xuân Thanh	Chủ tịch HĐQT		15.000.000.000
<b>Tạm ứng</b>			
- Phạm Thị Thúy Hạnh	Giám đốc		10.500.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan:*

	Bản chất bên liên quan	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Tạm ứng</b>			
- Phạm Thị Thúy Hạnh	Giám đốc	23.200.000.000	12.700.000.000
<b>Số dư khoản vay</b>			
- Phạm Thị Thúy Hạnh	Giám đốc	-	19.351.000.000
<b>Khoản phải thu</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	- Ông Phạm Văn Tiến - Ủy viên HĐQT Công ty là Chủ tịch Tam Cường - Công ty là cổ đông góp vốn vào Tam Cường	5.788.049.931	20.666.588.640
<b>Khoản phải trả</b>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn khoáng sản Tam Cường	- Ông Phạm Văn Tiến - Ủy viên HĐQT Công ty là Chủ tịch Tam Cường - Công ty là cổ đông góp vốn vào Tam Cường	586.218.855	11.000.818.855

*Thu nhập của Giám đốc*

Thu nhập Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2014
	VND
Lương của Giám đốc	108.000.000

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định số 2310/2014/ACM/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, các cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 560 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này các cổ đông đã góp được 510 tỷ đồng vốn điều lệ (chiếm 91,07% vốn điều lệ).

**29. CHI PHÍ TIỀM TÀNG**

Theo quy định tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/03/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản. Công ty sẽ phát sinh các chi phí để thực hiện các biện pháp, công việc hoàn nguyên môi trường, Công ty đang đánh giá vấn đề này và sẽ ghi nhận chi phí ở thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



Phạm Thị Thủy Hạnh  
Giám đốc

Bắc Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Vũ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Đinh Thị Ngọc San  
Người lập biểu